

Bản án số: 113/2026/DS-PT
Ngày 31-3-2026
V/v tranh chấp về giao dịch vay tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Hợp

Ông Phạm Anh Tuyết

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2026/TLPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp về giao dịch vay tiền”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2025/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12-Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2026/QĐXX-PT ngày 09 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2026/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Trần Vĩnh L, sinh năm 1957; số CCCD: 030057002679; nơi cư trú: Thôn P, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Đoàn Mạnh H, sinh năm 1969; số CCCD: 030069003105; nơi cư trú: Thôn P, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. **Người kháng cáo:** Ông Đoàn Mạnh H là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, và lời khai của nguyên đơn trình bày:

Do trước đó ông L có cho ông Đoàn Mạnh H vay tiền nhiều lần, nên đến ngày 02/11/2021, hai bên chốt số tiền cho vay với nhau và lập giấy xác nhận theo đó, ông Đoàn Mạnh H vay ông L số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay dùng

vào việc riêng của ông H. Lãi suất vay là 12%/năm; thời hạn vay từ ngày 02/11/2021 đến 30/12/2021 phải trả cả gốc và lãi. Hai bên có lập giấy vay tiền, do chính ông H viết, ký xác nhận và điểm chỉ ghi ngày 02/11/2021, xác định kể từ khi lập giấy vay này thì các giấy vay trước đó không còn giá trị. Tuy nhiên khi đến hạn, mặc dù ông L đã đòi nhiều lần, nhưng ông H không trả được bất cứ đồng tiền gốc, lãi nào. Do đó, ông L khởi kiện yêu cầu ông H phải trả toàn bộ tiền gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật trên cơ sở thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả nợ giữa 2 bên, ngoài ra ông H còn phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả xong nợ, đối với lãi suất nợ gốc quá hạn, ông L tự nguyện chỉ yêu cầu tính bằng mức lãi suất đã thỏa thuận là 12%/năm. Về nguồn gốc số tiền cho ông H vay là tiền riêng của ông, không phải là tài sản chung của vợ chồng ông (vợ ông là bà Trần Thị H1). Do đó, ông đề nghị Tòa án không đưa bà H1 vào tham gia tố tụng trong vụ án. Kèm theo đơn khởi kiện, ông L nộp giấy vay tiền do chính ông H tự viết và ký, điểm chỉ.

Bị đơn là ông Đoàn M trình bày:

Ông H thừa nhận chính mình viết giấy vay tiền ngày 02/11/2021, ký và điểm chỉ vào giấy này. Nội dung giấy vay nợ như nêu trên, nhưng cho rằng số tiền vay của ông L thực tế chỉ là 228.000.000 đồng chứ không phải là 500.000.000 đồng và số tiền nợ này cũng không phải vay ngày 02/11/2021 mà vay nhiều lần trước đó tính gộp lại. Tuy nhiên sở dĩ ông đã tự viết giấy vay tiền với số tiền vay 500.000.000 đồng là vì ngày 02/11/2021, ông L gọi ông đến nhà riêng của ông L, ông L tính lãi cao, cộng gộp cả gốc và lãi vào thành 500.000.000 đồng và buộc ông phải viết giấy nhận nợ là 500.000.000 đồng. Ông L tuyên bố nếu hôm đó, ông không viết giấy nhận nợ 500.000.000 đồng thì không ra khỏi nhà ông L được, nên ông H đã viết giấy như vậy. Tuy trình bày như vậy, ông H lại thừa nhận rằng, ngày hôm đó, ông L không dùng bạo lực gì đe dọa ông H để buộc phải viết giấy mà chỉ có lời nói như vậy. Về mục đích vay tiền, ông H khai là vay dùng vào việc riêng của ông, không liên quan đến kinh tế gia đình. Tuy trong giấy vay tiền có ghi mục đích vay tiền là để đáo hạn ngân hàng nhưng ông H khẳng định ghi như vậy là không đúng, đó là ghi theo yêu cầu của ông L, số tiền vay ông không sử dụng đáo hạn ngân hàng mà sử dụng việc riêng của ông, không liên quan gì đến công việc gia đình ông. Do đó, tiền vay này không phải nợ chung của vợ chồng ông, nên ông đề nghị không đưa vợ ông (là bà Trần Thị N) vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về quan điểm của ông H: Ông L khẳng định số tiền vay là 500.000.000 đồng. Còn việc ghi mục đích vay để đáo hạn ngân hàng là do ông H tự viết. Ông không buộc ông H phải viết mục đích vay như vậy. Ông L không biết cụ thể việc sử dụng tiền vay của ông H. Ông L cũng xác định là khi vay chỉ có ông H vay, không có vợ ông H vay cùng và nay thì cả ông H, vợ ông H đều không thừa nhận

vay 500.000.000 đồng của ông, nên ông không có căn cứ để buộc vợ ông **H** phải liên đới trả cùng. Do đó, ông chỉ yêu cầu ông **H** phải trả số nợ đã vay.

Tòa án khu vực 12 - Hải Phòng đã lấy lời khai của bà **Trần Thị H1**, là vợ ông **Trần Vĩnh L**. Bà **H1** đồng quan điểm với ông **L**, xác định số tiền cho vay là của riêng ông **L**, không phải là tài sản chung của bà với ông **L**, nên bà không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bà đề nghị không đưa bà tham gia tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2025/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng đã quyết định:

Buộc bị đơn ông **Đoàn Mạnh H** phải trả cho nguyên đơn ông **Trần Vĩnh L** số tiền đã vay theo giấy vay nợ ngày 02/11/2021, cụ thể:

Tiền nợ gốc: 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Tiền lãi: 252.408.797 (hai trăm năm mươi hai triệu bốn trăm linh tám nghìn bảy trăm chín mươi bảy) đồng.

Tổng cộng gốc và lãi: 752.408.797 (bảy trăm năm mươi hai triệu bốn trăm linh tám nghìn bảy trăm chín mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông **H** còn phải chịu khoản tiền lãi của khoản tiền lãi trong hạn chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tại thời điểm chậm trả tương ứng thời gian chậm trả và phải chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc chậm trả, theo lãi suất 2 bên thỏa thuận là 12%, tương ứng thời gian chậm trả nợ gốc.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, ông **Đoàn Mạnh H** kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, không đồng ý trả án phí vì không phải là người khởi kiện, không đồng ý trả ông **L** số tiền như quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 12-Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa lần thứ hai: Bị đơn là người kháng cáo nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nguyên đơn không kháng cáo nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Xét kháng cáo của bị đơn:

[2] Về nợ gốc: Bị đơn thừa nhận giữa nguyên đơn và bị đơn có viết giấy vay nợ đề ngày 02/11/2021 với nội dung bị đơn vay của nguyên đơn 500.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Thời hạn trả nợ đến hết ngày 30/12/2021. Bị đơn đã ký và điểm chỉ vào tờ giấy này. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng việc viết giấy xác nhận là do nguyên đơn tự cộng lãi của khoản vay 228.000.000 đồng trước đây giữa hai bên thành 500.000.000 đồng. Bị đơn xác định số tiền đã vay cùng mức lãi suất 2.000 đồng/1 triệu/ngày kể từ ngày vay 228.000.000 đồng đến ngày 02/11/2021 thì đúng là 500.000.000 đồng nên bị đơn đã chấp nhận viết giấy nhận vay nợ nguyên đơn là ông **L** số tiền 500.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận là 12%/năm, tính từ ngày 02/11/2021.

[3] Xem xét tài liệu là giấy biên nhận vay tiền lập ngày 02/11/2021 có nội dung như bị đơn trình bày, ngoài ra còn có nội dung: “Khi viết giấy này, các giấy khác không còn giá trị”.

[4] Như vậy, căn cứ vào lời khai của bị đơn xác nhận sau nhiều lần các bên cho nhau vay tiền, tính đến ngày 30/12/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn là 500.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng chỉ vay nguyên đơn 228.000.000 đồng nhưng không có các tài liệu nào khác chứng minh. Bị đơn cũng không có tài liệu nào chứng minh bị nguyên đơn ép phải nhận vay số tiền 500.000.000 đồng.

[5] Theo tài liệu do **Ngân hàng N1 chi nhánh B** cung cấp, ông **H** có 02 lần đáo hạn ngân hàng nhưng ngày đáo hạn là ngày 30/10/2023 và 29/10/2023 với số tiền là 500.000.000 đồng, do bà **Trần Thị N** là vợ của ông **H** trả. Như vậy, việc đáo hạn khoản nợ 500.000.000 đồng không liên quan đến việc sử dụng khoản tiền vay của ông **L** tại ngân hàng để đáo hạn như lời khai của ông **H**. Ngoài ra, ông **H** cũng xác nhận số tiền 500.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng là sự kiện khác, không liên quan đến số tiền mà ông **H** viết giấy nhận vay tiền ngày 02/11/2021.

[6] Như vậy, việc bị đơn là ông **H** cho rằng chỉ vay nguyên đơn là ông **L** số tiền 228.000.000 đồng là không có căn cứ chứng minh. Cấp sơ thẩm xác định ông **H** phải trả ông **L** 500.000.000 đồng tiền vay theo giấy nhận vay tiền ngày 02/11/2021 là có căn cứ.

[7] Về yêu cầu tính lãi:

[7.1] Tại giấy biên nhận vay nợ 02/11/2021, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 30/12/2021, lãi suất vay là 12%/năm. Ngày 06/7/2025, ông L có thông báo yêu cầu trả tiền đối với ông H nhưng ông H vẫn không trả nợ cho ông L nên theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, ông H phải trả các khoản lãi sau:

[7.2] Lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng: Từ ngày 02/11/2021 đến hết ngày 30/12/2021 là $(500.000.000 \text{ đồng} \times 59 \text{ ngày} \times 12\%/365 \text{ ngày} = 9.698.630 \text{ đồng})$.

[7.3] Hết ngày 30/12/2021, ông H không trả nợ gốc cho ông L nên ông H phải trả lãi trên nợ gốc cho ông L tính từ ngày 30/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/12/2025, với mức lãi suất tính bằng 10%/năm theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là: $(9.698.630 \text{ đồng} \times 1.453 \text{ ngày} \times 10\%/365 \text{ ngày} = 3.860.852 \text{ đồng})$.

[7.4] Ngoài ra, ông H phải trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Tuy nhiên, ông L yêu cầu ông H trả lãi quá hạn cho ông L bằng lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng là 12%/năm nên được chấp nhận lãi suất quá hạn là 12%/năm trên nợ gốc chưa trả là 500.000.000 đồng tính từ ngày 30/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/12/2025 là: $(500.000.000 \text{ đồng} \times 1.453 \text{ ngày} \times 12\%/365 \text{ ngày} = 238.849.315 \text{ đồng})$.

[7.5] Như vậy, ông H phải trả ông L tổng số tiền gốc và lãi là: $500.000.000 \text{ đồng} + 9.698.630 \text{ đồng} + 3.860.852 \text{ đồng} + 238.849.315 \text{ đồng} = 752.408.797 \text{ đồng}$.

[7.6] Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông H còn phải trả tiền lãi của số nợ gốc chậm trả, theo lãi suất 2 bên thỏa thuận là 12%, tương ứng thời gian chậm trả nợ gốc và lãi suất chậm thi hành án.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H không là người khởi kiện, nhưng yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận nên ông H là bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông Đoàn Mạnh H không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Mạnh H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 12 -Hải Phòng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điều 29 của ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **Đoàn Mạnh H**. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2025/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 12- Hải Phòng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Vĩnh L**;

Ông **Đoàn Mạnh H** phải trả cho ông **Trần Vĩnh L** 752.408.797 đồng, (trong đó có 500.000.000 đồng tiền nợ gốc và 252.408.797 đồng nợ lãi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác và phải chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc chậm trả theo lãi suất thỏa thuận là 12% tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Đoàn Mạnh H** phải chịu 34.096.352 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Đoàn Mạnh H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001202 ngày 27 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Ông **Đoàn Mạnh H** đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND khu vực 12 - Hải Phòng;
- THADS khu vực 12 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp